

## DỰ THẢO

## NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

## Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 23; khoản 4 Điều 33; khoản 3 Điều 40; khoản 4 Điều 45; khoản 3 Điều 63 và khoản 4 Điều 81 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm các nội dung sau:

- Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; việc biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư.
- Tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.
- Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; ở cơ quan, đơn vị và ở doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam ở xã, phường, thị trấn; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn, trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tại các doanh nghiệp nhà nước.

## Chương II

### **TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH; VIỆC BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH; QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; HỘI NGHỊ ĐỊNH KỲ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

#### **Mục 1. TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

##### **Điều 3. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định**

###### 1. Thông báo triệu tập cuộc họp của cộng đồng dân cư

a) Đối với nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn cấp xã, sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thông báo triệu tập cuộc họp đến các hộ gia đình để tham dự bàn và quyết định. Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn, tổ dân phố đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

b) Đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố, sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thông báo triệu tập cuộc họp đến các hộ gia đình.

c) Trường hợp thôn, tổ dân phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp theo từng cụm dân cư. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

###### 2. Việc thông báo cuộc họp phải được thông tin đến hộ gia đình trước ngày tổ chức cuộc họp và phải bảo đảm công khai đầy đủ thông tin. Cụ thể:

a) Hình thức thông báo cuộc họp bằng Giấy mời hoặc thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình, qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội do thôn, tổ dân phố thiết lập. Nội dung thông báo gồm thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung, đầu mối liên hệ thông tin về cuộc họp và những yêu cầu cụ thể đối với người tham dự cuộc họp (nếu có).

Việc quy định thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp phải thuận lợi, phù hợp điều kiện thực tế để cộng đồng dân cư tham gia đầy đủ (Mẫu số 01 kèm theo Nghị định này).

b) Nội dung tài liệu để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định phải được chuẩn bị trước khi tổ chức cuộc họp.

3. Trình tự cuộc họp theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Biên bản cuộc họp phải được ghi đầy đủ, chính xác nội dung, diễn biến cuộc họp gồm những nội dung:

- a) Thành phần tham dự cuộc họp;
- b) Trình tự, diễn biến, nội dung, vấn đề được trình bày và thảo luận tại cuộc họp;
- c) Ý kiến phát biểu của những người tham dự họp;
- d) Kết quả biểu quyết;
- đ) Kết luận của người chủ trì và các quyết định được đưa ra tại cuộc họp.

5. Quyết định của cộng đồng dân cư được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã sau 05 ngày kết thúc cuộc họp dưới các hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với phong tục, tập quán và điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư.

#### **Điều 4. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến để Nhân dân bàn và quyết định**

##### **1. Xây dựng kế hoạch phát phiếu lấy ý kiến**

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Nội dung Kế hoạch gồm: nội dung lấy ý kiến, hình thức phát phiếu lấy ý kiến; thời gian, thời hạn tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến và phân công tổ chức thực hiện.

c) Việc công khai thông tin phát phiếu lấy ý kiến được thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình, qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội do thôn, tổ dân phố thiết lập chậm nhất 02 ngày trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

##### **2. Phiếu lấy ý kiến**

a) Tùy từng trường hợp cần lấy ý kiến của hộ gia đình bằng phiếu, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quy định mẫu phiếu và hướng dẫn mẫu phiếu cụ thể.

b) Mẫu phiếu phải đảm bảo các nội dung sau: tiêu đề phiếu, nội dung lấy ý kiến, ý kiến của hộ gia đình lựa chọn được đánh theo hướng dẫn và mục ý kiến khác để hộ gia đình có ý kiến (nếu có).

c) Phiếu lấy ý kiến phải được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ký tắt trước khi tổ chức phát phiếu.

### 3. Tiến hành phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

a) Đối với việc phát phiếu lấy ý kiến về các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố:

Việc phát phiếu, thu phiếu và tổng hợp kết quả phát phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Kết quả phát phiếu lấy ý kiến được lập Biên bản gồm các nội dung: Số phiếu phát ra, số phiếu thu về; số phiếu có ý kiến đồng ý (tỷ lệ phần trăm); số phiếu có ý kiến không đồng ý (tỷ lệ phần trăm), số phiếu có ý kiến khác (nếu có) (Mẫu số 02 kèm theo Nghị định này).

b) Đối với việc phát phiếu lấy ý kiến về các công việc trong phạm vi toàn cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đại diện hộ gia đình trên địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố, để tổng hợp kết quả chung toàn cấp xã.

## **Điều 5. Biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định**

### 1. Điều kiện tổ chức biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình thì đề xuất cộng đồng dân cư lựa chọn hình thức biểu quyết trực tuyến để bàn và quyết định đối với các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Bảo đảm đại diện các hộ gia đình có thiết bị điện tử có khả năng kết nối internet để thực hiện biểu quyết trực tuyến và phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương.

### 2. Chuẩn bị biểu quyết trực tuyến

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thành lập Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến gồm đại diện thôn, tổ dân phố, đại diện hộ gia đình và người thông thạo về ứng dụng công nghệ thông tin tham gia tổ chức biểu quyết trực tuyến.

b) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến tạo nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố để mời của đại diện hộ gia đình có điện thoại thông minh tham gia; tạo bình chọn trong nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến của đại diện hộ gia đình về việc tổ chức biểu quyết trực tuyến.

Việc tổ chức biểu quyết trực tuyến được thực hiện khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố lựa chọn đồng ý với hình thức biểu quyết trực tuyến.

c) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến tạo bình chọn để biểu quyết gồm: Nội dung biểu quyết; hình thức biểu quyết (đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác). Nội dung bình chọn phải ngắn gọn, xúc tích, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thao tác.

### 3. Tiến hành biểu quyết trực tuyến

Trên cơ sở thông báo và hướng dẫn của Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến, đại diện các hộ gia đình truy cập nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố để thực hiện biểu quyết. Trường hợp đại diện hộ gia đình cần hỗ trợ thì liên hệ Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến để được hướng dẫn.

### 4. Tổng hợp, báo cáo kết quả biểu quyết trực tuyến

a) Tổ lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến theo dõi, tổng hợp, báo cáo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kết quả tại thời điểm kết thúc biểu quyết trực tuyến gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, số hộ gia đình tham gia biểu quyết, số hộ gia đình đồng ý, số hộ gia đình không đồng ý và các ý kiến khác về nội dung lấy ý kiến biểu quyết trực tuyến.

b) Kết quả biểu quyết trực tuyến được thông qua khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố lựa chọn đồng ý và được công khai trên nhóm mạng xã hội của thôn, tổ dân phố hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với thực tế của thôn, tổ dân phố.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng ứng dụng biểu quyết trực tuyến trên trang thông tin điện tử để các thôn, tổ dân phố lựa chọn và tổ chức biểu quyết trực tuyến đối với các nội dung Nhân dân bàn và quyết định trên địa bàn.

## **Mục 2. QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

### **Điều 6. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Ban hành quyết định công bố ngày, giờ bầu cử (từ 07 giờ đến 19 giờ ngày thứ bảy hoặc chủ nhật) chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử.

b) Ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử gồm: nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; danh sách đại diện hộ gia đình tham gia bầu cử và thời gian niêm yết danh sách tham gia bầu cử; hình thức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch tổ chức bầu cử, hướng dẫn thể lệ bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương.

d) Đảm bảo kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết phục vụ công tác bầu cử.

## 2. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Báo cáo với Chi bộ để thống nhất danh sách dự kiến giới thiệu người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử.

b) Tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (tối thiểu là 02 người) trên cơ sở danh sách ứng cử tại cuộc họp của cộng đồng dân cư và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử.

c) Thực hiện việc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến trong trường hợp đã tổ chức cuộc họp bầu cử nhưng không có đủ đại diện số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

## **Điều 7. Tổ bầu cử**

1. Tổ bầu cử không quá 05 thành viên do Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; các thành viên gồm đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình thôn, tổ dân phố.

### 2. Tổ bầu cử có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Họp Tổ bầu cử và đại diện các tổ chức, đoàn thể trong thôn, tổ dân phố để phân công thực hiện các nhiệm vụ;

b) Lập, công bố và niêm yết danh sách đại diện hộ gia đình (từ đủ 18 tuổi trở lên) tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử);

c) Công bố và niêm yết danh sách các ứng cử viên bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố (chậm nhất 05 ngày trước ngày bầu cử);

d) Phát hành Giấy mời bầu cử (chậm nhất 03 ngày trước ngày bầu cử);

Giấy mời gồm các nội dung: Chủ trì là Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; đại biểu tham dự: đại diện hộ gia đình; các thành viên Ban công tác Mặt trận; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; thời gian, địa điểm tổ chức bầu cử;

đ) Công khai và thông tin thể lệ bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương;

e) Nhận phiếu bầu từ Ủy ban nhân dân cấp xã; chuẩn bị hòm phiếu;

g) Hướng dẫn hộ gia đình bỏ phiếu, đảm bảo trật tự nơi bỏ phiếu;

h) Phát phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu;

i) Báo cáo và nộp kết quả kiểm phiếu, phiếu bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các tài liệu bầu cử khác (nếu có) về Ủy ban nhân dân cấp xã;

Trong quá trình bầu cử, tùy theo tình hình của địa bàn thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể giao cho Tổ bầu cử thực hiện một số nhiệm vụ khác.

### **Điều 8. Trình tự tổ chức cuộc họp bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần đại diện hộ gia đình tham gia bầu cử.

2. Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc đề Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước cuộc họp; đại diện hộ gia đình thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt công việc theo chức trách, nhiệm vụ.

4. Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ứng cử do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đã thống nhất với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố và đề nghị đại diện hộ gia đình tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

5. Cuộc họp thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của đại diện hộ gia đình, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để cuộc họp biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người

ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tán thành.

6. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định;

b) Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu;

c) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện đại diện hộ gia đình không phải là người ứng cử có mặt tại cuộc họp chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số đại diện hộ gia đình tham gia cuộc họp; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

d) Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số đại diện hộ gia đình tham gia trong toàn thôn, tổ dân phố.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

đ) Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

7. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

8. Trường hợp đã tổ chức cuộc họp bầu cử nhưng không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý



kiến. Trình tự, thủ tục phát phiếu lấy ý kiến biểu quyết thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

### **Điều 9. Công nhận kết quả bầu cử**

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Điều 10. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

#### **1. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi.

b) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để thực hiện quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

#### **3. Trình tự cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì cuộc họp: nêu lý do, yêu cầu của cuộc họp.

Trường hợp Trưởng ban công tác Mặt trận kiêm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do xin thôi. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự cuộc họp hoặc có tham dự nhưng không trình bày thì Trưởng ban công tác Mặt trận trực tiếp báo cáo và nêu lý do đề nghị cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Thảo luận và thống nhất ý kiến;

đ) Tiến hành biểu quyết việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định. Cuộc họp cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ;

đ) Trường hợp có trên 50% đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét công nhận kết quả cho thôi.

Trường hợp kết quả biểu quyết dưới 50% số ý kiến hợp lệ so với tổng số đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tổ chức cuộc họp lại. Ngày họp lại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần đầu.

Nếu cuộc họp lần thứ hai mà vẫn không đủ điều kiện quyết định được việc cho thôi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình. Trình tự, thủ tục phát phiếu lấy ý kiến biểu quyết thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do.

5. Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

### **Mục 3. TỔ CHỨC HỘI NGHỊ ĐỊNH KỲ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

#### **Điều 11. Công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị định kỳ**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư.

Tùy tình hình và điều kiện cụ thể của từng địa phương, có thể kết hợp tổ chức Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư với Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Nội dung Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư gồm: Thời gian, địa điểm, nội dung hội nghị và tổ chức thực hiện.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Trưởng ban Thanh tra nhân dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố trực tiếp hoặc phân công thành viên chuẩn bị báo cáo trình bày tại Hội nghị.

4. Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân cấp xã để báo cáo, thống nhất trước khi thực hiện.

### **Điều 12. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ**

1. Triệu tập hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thông báo triệu tập hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố.

Thông báo triệu tập nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố; thành phần triệu tập tham dự hội nghị.

b) Thành phần tham dự hội nghị định kỳ là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố quyết định việc mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan dự hội nghị.

c) Thông báo triệu tập phải được gửi tới hộ gia đình chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị bằng văn bản hoặc thông qua mạng xã hội, hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố. Trường hợp đặc biệt, Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thông báo trực tiếp tới đại diện hộ gia đình.

2. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung hội nghị, giới thiệu thư ký hội nghị;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố trình bày Báo cáo tổng kết hoạt động của Thôn, tổ dân phố;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố trình bày Báo cáo kết quả thực hiện dân chủ ở thôn, tổ dân phố;

d) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại thôn, tổ dân phố trình bày Báo cáo kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố;

đ) Đại diện các hộ gia đình thảo luận, tham gia ý kiến, đề xuất, kiến nghị;

e) Thông tin, trao đổi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cộng đồng dân cư đối với các nội dung thuộc thẩm quyền;

g) Thông qua các nội dung được trình bày tại Hội nghị;

h) Biểu dương cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong việc thực hiện các hoạt động của cộng đồng dân cư;

i) Kết luận hội nghị.

Sau khi kết thúc hội nghị, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kết quả tổ chức hội nghị định kỳ.

3. Trường hợp tổ chức Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư kết hợp với tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đề nghị chủ trương trước khi tổ chức thực hiện.

Việc tổ chức Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư kết hợp với tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

### **Điều 13. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất 05 thành viên gồm: đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn và đại diện hộ gia đình trên địa bàn thôn, tổ dân phố có chương trình, dự án.

Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn có thể tham gia đồng thời các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trường hợp trên địa bàn cấp xã, thôn, tổ dân phố có nhiều chương trình, dự án.

b) Số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện hộ gia đình được bầu theo từng địa bàn do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu.

c) Sau khi có kết quả bầu thành viên, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng họp để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn cho đến khi các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo

phương thức đối tác công tư (PPP), chương trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân được hoàn thành trên địa bàn cấp xã.

#### **Điều 14. Bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Cuộc họp dự kiến bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng: Căn cứ số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được bầu theo từng địa bàn, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo cấp ủy cùng cấp tổ chức cuộc họp dự kiến người ứng cử và kế hoạch tổ chức bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng. Nội dung tổ chức cuộc họp dự kiến như sau:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp dự kiến người ứng cử gồm toàn bộ thành viên Ban công tác Mặt trận.

Căn cứ tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng quy định tại Điều 42 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thông báo số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng được bầu và giới thiệu dự kiến người ứng cử;

b) Thảo luận, nhận xét người được dự kiến ứng cử;

c) Kết luận của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về ý kiến thảo luận tại cuộc họp;

d) Biên bản cuộc họp ghi rõ số người triệu tập, số người vắng mặt, nội dung, ý kiến nhận xét của cuộc họp về người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố được bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Trưởng ban công tác Mặt trận gửi giấy mời đến các thành phần được triệu tập dự cuộc họp của cộng đồng dân cư và mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn tham dự;

c) Cuộc họp của cộng đồng dân cư được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt;

d) Thành phần cuộc họp gồm: Toàn thể hộ gia đình hoặc đại diện hộ; toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố;

đ) Thành viên Ban Giám sát đầu tư cộng đồng được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu được triệu tập tham dự cuộc họp.

3. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bầu xong thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Trong trường hợp khuyết, thiếu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức cuộc họp bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai hoạt động theo chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Chỉ đạo xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng; theo dõi chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch đảm bảo đáp ứng các tiêu chí, mục tiêu của chương trình, hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát.

3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã liên quan đến chương trình, dự án do Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

4. Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả thực hiện kiểm tra, giám sát của Ban giám sát đầu tư cộng đồng.

**Điều 16. Hình thức kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo kế hoạch và theo hình thức sau:

1. Kiểm tra, giám sát thường xuyên.

2. Kiểm tra, giám sát đột xuất.

3. Việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải được thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức hoạt động theo quy định tại Điều 44 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về Kế hoạch và thành phần kiểm tra, giám sát để thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư ban quản lý chương trình, dự án.

3. Nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**Điều 18. Tổ chức hoạt động giám sát**

## 1. Tổ chức giám sát đối với dự án đầu tư của xã

a) Tổ chức theo dõi, việc chấp hành quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch, phương án kiến trúc, xây dựng; thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.

b) Giám sát, phát hiện những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường, cộng đồng. Theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án; theo dõi, kiểm tra việc nhà thầu tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và loại vật tư theo quy định của nhà thầu.

c) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình. Theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

d) So sánh, kiểm tra sự phù hợp của nội dung Quyết định đầu tư dự án với quy hoạch, kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác minh, làm rõ sự mâu thuẫn giữa nội dung Quyết định đầu tư với các nội dung, mức độ và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của cấp có thẩm quyền và việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư để kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

## 2. Thực hiện giám sát đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước, các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác:

a) Kiểm tra sự phù hợp của nội dung Quyết định đầu tư dự án với quy hoạch, kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt: So sánh, kiểm tra sự phù hợp giữa nội dung Quyết định đầu tư dự án với các nội dung đã công bố công khai tại các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; nếu phát hiện có sự mâu thuẫn giữa nội dung Quyết định đầu tư với các nội dung đã công bố thì tiến hành xác minh, làm rõ mức độ và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

b) Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu: Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án; nếu phát hiện thực tế có sự khác nhau so với những nội dung đã công bố công khai trong các tài liệu liên quan thì ghi nhận, tiến hành xác minh, làm rõ mức độ khác nhau, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc

giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư theo quy định.

c) Tổ chức theo dõi, phát hiện những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường, cộng đồng: Theo dõi các việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu trong quá trình thực hiện đầu tư, triển khai dự án. Nếu phát hiện có hoạt động gây thiệt hại lợi ích của cộng đồng, gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh sống của cộng đồng thì ghi nhận, tiến hành xác minh, làm rõ mức độ xâm hại hoặc gây tác động tiêu cực, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định; theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

### **Điều 19. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện đối với chương trình, dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổng hợp trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các cơ quan liên quan.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã định kỳ, hàng năm, tổng hợp kết quả Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã gửi HĐND, UBND cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh;

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh định kỳ hàng năm tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(Báo cáo kết quả hoạt động Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo mẫu số 5).

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

#### **Mục 1. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

##### **Điều 20. Thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.



## 2. Bầu Ban Thanh tra nhân dân

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân;

b) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử tại cuộc họp của cộng đồng dân cư bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do cuộc họp quyết định;

c) Cuộc họp của cộng đồng dân cư được tiến hành khi có trên 50% đại diện hộ gia đình được triệu tập có mặt. Người được bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải có trên 50% đại diện hộ gia đình đồng ý và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp;

d) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo kết quả bầu cử với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn.

## 3. Trình tự tổ chức cuộc họp bầu Ban Thanh tra nhân dân

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo triệu tập cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; đại biểu tham dự: đại diện hộ gia đình; thành viên Ban công tác Mặt trận; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn;

c) Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

## 4. Công nhận kết quả bầu Ban Thanh tra nhân dân

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu Ban Thanh tra nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức cuộc họp của thành viên Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó trưởng Ban Thanh tra nhân dân (Trưởng ban, Phó trưởng Ban Thanh tra nhân dân phải được sự tín nhiệm của trên 50% thành viên Ban Thanh tra nhân dân) trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp ra Nghị quyết công nhận Ban Thanh tra nhân dân và thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp trong phiên họp gần nhất, niêm yết kết quả công nhận Ban Thanh tra nhân dân tại trụ sở và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

5. Ban Thanh tra nhân dân họp định kỳ và báo cáo mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất; định kỳ 6 tháng tiến hành sơ kết; hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

## **Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, hội nghị; chủ trì các cuộc kiểm tra giám sát, xác minh thuộc thẩm quyền của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Đại diện cho Ban Thanh tra nhân dân trong mối quan hệ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban Thanh tra nhân dân.

5. Tham dự các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn có nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

6. Kiến nghị Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương trong việc giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân trong hoạt động quản lý nhà nước.

### **Điều 22. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát**

1. Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn giám sát các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 38 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quý, 6 tháng, năm. Nội dung Kế hoạch phải bảo đảm các nội dung: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, địa điểm, kinh phí, tổ chức, phân công thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác cho việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra, giám sát.

2. Kế hoạch giám sát có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

3. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành kiểm tra, giám sát, Ban Thanh tra nhân dân phải gửi kế hoạch đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và đối tượng kiểm tra, giám sát khác (nếu có).

### **Điều 23. Phương thức kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Thu thập thông tin, tài liệu

Trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, xác minh việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định trên địa bàn xã phường, thị trấn thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân;

2. Thành lập đoàn làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát, xác minh và phải được lập thành biên bản thể hiện nội dung: đúng sai, phù hợp, không phù hợp.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát, được lập thành văn bản. Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn có hành

vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân thì Ban Thanh tra nhân dân kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân.

Kết quả xác minh phải được thông báo gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị; đồng thời gửi đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cấp huyện để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

## **MỤC 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

### **Điều 24. Thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị**

1. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

#### **2. Bầu Ban Thanh tra nhân dân**

a) Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị giới thiệu danh sách những người ứng cử, danh sách người được đề cử do cán bộ, công chức, viên chức, người lao động giới thiệu bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

b) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc hội nghị đại biểu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có mặt trên 50% số đại biểu được triệu tập.

c) Việc bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân được hội nghị tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu tín nhiệm từ cao xuống thấp.

#### **3. Trình tự tổ chức hội nghị bầu Ban Thanh tra nhân dân**

a) Lấy ý kiến hội nghị và biểu quyết số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân; mời Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở giới thiệu danh sách đề cử bầu vào Ban Thanh tra nhân dân đã dự kiến; mời đại biểu dự hội nghị ứng cử, đề cử; chốt và thông qua danh sách bầu cử. Danh sách đề cử bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải có số dư ít nhất từ 10 % đến 20% so với số thành viên được bầu;

b) Giới thiệu Ban kiểm phiếu dự kiến và lấy biểu quyết của Hội nghị;

c) Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

d) Hội nghị bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải đảm bảo có mặt trên 50% số đại biểu được triệu tập;

đ) Mời thành viên Ban Thanh tra nhân dân ra mắt.

#### 4. Công nhận kết quả bầu cử Ban Thanh tra nhân dân

Chậm nhất là sau 5 ngày kể từ ngày bầu, Ban Thanh tra nhân dân tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có); trình Ban Chấp hành Công đoàn ra quyết định công nhận Ban Thanh tra nhân dân và thông báo cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

5. Trong nhiệm kỳ, nếu có thành viên Ban Thanh tra nhân dân xin thôi tham gia với lý do chính đáng hoặc trường hợp thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, không còn được tín nhiệm thì Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị đề nghị hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gần nhất quyết định cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra và bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

Trường hợp Ban Thanh tra nhân dân thiếu từ 1/3 thành viên trở lên thì tiến hành kiện toàn, bầu bổ sung số thành viên khuyết tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gần nhất. Trường hợp đặc biệt có thể tổ chức cuộc họp bất thường để bầu bổ sung Ban Thanh tra nhân dân.

6. Ban Thanh tra nhân dân họp định kỳ và báo cáo mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất; định kỳ 6 tháng tiến hành sơ kết; hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

#### **Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan đơn vị**

1. Tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chương trình hoạt động; theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật, quy chế dân chủ, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Phát hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc giải quyết các vấn đề liên quan tới công tác thanh tra.

4. Được mời tham dự các cuộc họp của cơ quan, đơn vị có nội dung liên quan đến nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xác minh của Ban Thanh tra nhân dân.

5. Hướng dẫn, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực, nghiệp vụ chuyên môn của Ban Thanh tra nhân dân tại cơ quan, đơn vị.

#### **Điều 26. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan đơn vị**

1. Căn cứ vào Nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Nghị quyết Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch và kinh phí hoạt động của nhiệm kỳ và hằng năm.

2. Chương trình, kế hoạch hoạt động phải được tập thể Ban Thanh tra nhân dân thảo luận, thống nhất và phải được Ban Chấp hành Công đoàn thông qua và gửi người đứng đầu, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị.

**Điều 27. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan đơn vị**

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát

a) Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, gồm: Xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung; thời gian, địa điểm kiểm tra, giám sát; Trưởng đoàn và thành viên tham gia kiểm tra, giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc kiểm tra, giám sát.

b) Chậm nhất 05 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra, giám sát, Ban Thanh tra nhân dân phải gửi kế hoạch giám sát đến Ban Chấp hành Công đoàn, người đứng đầu cơ quan, đơn vị để biết và thực hiện nhiệm vụ.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát

a) Tổ chức thu thập thông tin do cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phản ánh trực tiếp, qua hòm thư góp ý, qua nghiên cứu văn bản tài liệu liên quan đến nội dung giám sát do người đứng đầu cung cấp. Ban Thanh tra nhân dân tổng hợp, phân tích, đối chiếu với các quy định pháp luật, quy định, quy chế nội bộ để đánh giá việc thực hiện; đề xuất kiến nghị với người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét giải quyết theo đúng trình tự quy định pháp luật.

b) Gặp gỡ người phụ trách, điều hành bộ phận được giám sát theo chương trình, kế hoạch đề trao đổi về phạm vi nội dung giám sát; đề nghị cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; phân công thành viên đọc, nghiên cứu tài liệu, đối chiếu với quy định pháp luật hiện hành, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan đến nội dung giám sát; tiến hành trao đổi, đối thoại với người có trách nhiệm tại địa điểm giám sát để làm rõ vấn đề còn thiếu thông tin.

Lập báo cáo giám sát: Đánh giá mức độ việc chấp hành quy định pháp luật, quy định nội bộ; xác định mặt được, mặt tồn tại, thiếu sót về công tác quản lý, điều hành của bộ phận được giám sát; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục thiếu sót, tồn tại. Nội dung báo cáo cuộc giám sát phải được ít nhất trên 70% thành viên tham gia cuộc giám sát tán thành. Báo cáo cuộc giám sát kèm bản kiến nghị phải được Ban chấp hành công đoàn cơ sở xác nhận trước khi gửi người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết.

c) Giám sát người đứng đầu xem xét, giải quyết các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban Thanh tra nhân dân.

Khi nhận được kết quả giải quyết kiến nghị của người đứng đầu cơ quan, đơn vị gửi tới, Ban Thanh tra nhân dân thông báo công khai kết quả giải quyết kiến nghị theo hình thức quy định tại quy chế thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban Thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên không xem xét, giải quyết thì Ban Thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết theo quy định.

d) Tiếp nhận xác minh khi có vụ việc cụ thể theo đề nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị. Ban Thanh tra nhân dân phân công thành viên tổ chức, nghiên cứu xác định mục đích, yêu cầu, nội dung và phạm vi xác minh; địa điểm, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến nội dung xác minh cung cấp tài liệu liên quan; trao đổi với người có trách nhiệm liên quan đến nội dung xác minh để làm rõ nội dung xác minh.

đ) Lập biên bản và kiến nghị người đứng đầu hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cần phải xử lý ngay.

e) Tổng hợp, phân tích xác định rõ nội dung xác minh và lập báo cáo đề xuất kiến nghị biện pháp giải quyết đề nghị Ban Chấp hành Công đoàn xác nhận kiến nghị và gửi cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết.

### **MỤC 3. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 28. Thành lập Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước**

1. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

#### 2. Bầu Ban Thanh tra nhân dân

a) Ban Chấp hành Công đoàn giới thiệu danh sách những người ứng cử, danh sách người được đề cử do người lao động giới thiệu bầu làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

b) Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại hội nghị người lao động khi có mặt trên 50% số đại biểu được triệu tập.

c) Việc bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân được hội nghị tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân

phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm và được lựa chọn theo thứ tự số phiếu tín nhiệm từ cao xuống thấp.

3. Việc bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước gồm: việc bầu, công nhận, cho thôi và bầu thành viên thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

4. Ban Thanh tra nhân dân họp định kỳ và báo cáo mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất; định kỳ 6 tháng tiến hành sơ kết; hàng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước hội nghị người lao động.

### **Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước**

1. Tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật, quy chế dân chủ, nội quy, quy định của người lao động ở doanh nghiệp và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

3. Được mời tham dự các cuộc họp của đơn vị có nội dung liên quan đến nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xác minh của Ban Thanh tra nhân dân.

4. Tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp các nội dung liên quan đến thanh tra, phòng chống tham nhũng và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp.

### **Điều 30. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước**

1. Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát: Chậm nhất là 05 ngày trước khi tiến hành kiểm tra, giám sát, Ban Thanh tra nhân dân phải có kế hoạch gửi Ban Chấp hành Công đoàn doanh nghiệp và Ban lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm; nhân sự tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát

a) Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người lao động; thu thập thông tin, tài liệu để xem xét; phát hiện, theo dõi hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở doanh nghiệp.

b) Đề nghị người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến nội dung giám sát.

c) Theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân ở doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện những nội dung thuộc phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

d) Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở đề kiến nghị với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước về các vấn đề có liên quan trực tiếp đến nội dung thuộc phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Trường hợp phát hiện hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích chi, thu ngân sách và các khoản đóng góp, quỹ phúc lợi của người lao động và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân thì kiến nghị với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc kiến nghị trực tiếp với người đứng đầu để xem xét, giải quyết.

đ) Tiếp nhận xác minh khi có vụ việc cụ thể theo đề nghị của người lao động ở doanh nghiệp. Ban Thanh tra nhân dân phân công thành viên tổ chức, nghiên cứu xác định mục đích, yêu cầu, nội dung và phạm vi xác minh; địa điểm, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xác minh.

Trong quá trình thực hiện việc xác minh, Ban Thanh tra nhân dân được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc xem xét làm rõ sự việc được xác minh; kết thúc việc xác minh, Ban Thanh tra nhân dân báo cáo với người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước về kết quả xác minh; đồng thời kiến nghị biện pháp giải quyết.

Trong quá trình xác minh, nếu phát hiện hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động cần phải xử lý ngay thì lập biên bản và kiến nghị người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết, đồng thời giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết tới Ban thanh tra nhân dân. Trường hợp kiến nghị không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị người đứng đầu cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp nhà nước xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm. Trường hợp người đứng đầu đơn vị cấp trên không xem xét, giải quyết thì Ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2023.

2. Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26,



Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

### **Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Quy định về tổ chức, hoạt động và kinh phí hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành đến khi có quy định mới được ban hành.

2. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước tiếp tục thực hiện cho đến khi tổ chức bầu nhiệm kỳ mới.

### **Điều 33. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ: Bộ trưởng Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Trợ lý Thủ tướng, Tổng Giám đốc Cổng Thông tin điện tử, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP(5b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

UBND XÃ/PHƯỜNG....  
THÔN, TỔ DÂN PHỐ ....

Mẫu số 1  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

## **BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

Về việc.....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Tại .....

Mục đích cuộc họp.....

### **I. Thành phần tham dự:**

1. Chủ trì: Ông/Bà ..... Chức vụ: .....

2. Thư ký: Ông/Bà ..... Chức vụ: .....

3. Thành phần khác:

- Khách mời: .....

- Số hộ gia đình có mặt:.....

- Số hộ gia đình vắng mặt: .....

### **II. Nội dung nhân dân bàn và quyết định tại cuộc họp:**

.....  
.....

### **III. Các ý kiến phát biểu, thảo luận:**

.....  
.....

### **IV. Biểu quyết, phát phiếu (nếu có):**

- Tổng số phiếu: ..... Phiếu

- Số phiếu hợp lệ (số người tham dự): ..... phiếu

- Số phiếu không hợp lệ (số người tham dự): ..... phiếu

- Số phiếu tán thành: ..... phiếu, chiếm tỷ lệ %

- Số phiếu không tán thành: ..... phiếu, chiếm tỷ lệ %

### **V. Kết luận cuộc họp:**

.....  
.....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., nội dung cuộc họp đã được lập biên bản và các thành viên dự họp nhất trí thông qua.

Thư ký  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì  
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ/PHƯỜNG....  
THÔN, TỔ DÂN PHỐ ....

Mẫu số 2  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

### **BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH**

Hồi.....giờ.....ngày .....tháng .....năm 202....., Tổ phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tại thôn, tổ dân phố.....gồm các ông, bà có tên sau đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

1. Ông (bà) ..... Tổ trưởng

2. Ông (bà) ..... Thư ký

3. Ông (bà) ..... Thành viên

Chứng kiến việc kiểm phiếu gồm đại diện các hộ gia đình:

1. Ông (bà)..... Tại thôn, tổ dân phố .....

2. Ông, (bà)..... Tại thôn, tổ dân phố.....

#### **Kết quả kiểm phiếu như sau :**

- Tổng số đại diện hộ gia đình.....

- Số đại diện hộ gia đình tham gia lấy phiếu .....% tổng số hộ gia đình vắng ..... người có lý do.

- Số phiếu phát ra : ..... phiếu

- Số phiếu thu về : ..... phiếu

- Số phiếu hợp lệ : ..... phiếu

- Số phiếu không hợp lệ : ..... phiếu

#### **- Kết quả cụ thể:**

1. Số phiếu đồng ý:.....phiếu..... chiếm tỷ lệ..... %

2. Số phiếu không đồng ý:.....phiếu ..... chiếm tỷ lệ..... %

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giữ 01 bản.

**Đại diện hộ gia đình chứng kiến việc  
kiểm phiếu**

*(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*

**Các thành viên Tổ kiểm phiếu**  
*(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC...  
Ban công tác Mặt trận....

Mẫu số 3  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

Hồi.....giờ.....ngày .....tháng .....năm 202....., Tổ bầu cử bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố .....gồm các ông, bà đã tiến hành kiểm phiếu bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

1. Ông (bà) ..... Tổ trưởng
2. Ông (bà) ..... Thư ký
3. Ông (bà) ..... Thành viên

Chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà)..... Tại thôn, tổ dân phố.....
2. Ông (bà)..... Tại thôn, tổ dân phố.....

**Kết quả kiểm phiếu như sau :**

- Tổng số đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố có ..... người
- Số hộ gia đình đã tham gia bỏ phiếu..... chiếm tỷ lệ % tổng số hộ gia đình vắng ..... người có lý do.
- Số phiếu phát ra : ..... phiếu
- Số phiếu thu về : ..... phiếu
- Số phiếu hợp lệ : ..... phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : ..... phiếu
- **Kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử, cụ thể:**
  1. Ông (bà) .....được .....phiếu, chiếm tỷ lệ.....%
  2. Ông (bà) .....được .....phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu để gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Ban công tác Mặt trận và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố giữ 01 bản.

**Hai hộ gia đình chứng kiến việc  
kiểm phiếu**  
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

**Các thành viên Ban kiểm phiếu**  
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC...  
Ban công tác Mặt trận....

Mẫu số 04  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

### BIÊN BẢN CUỘC HỌP BẦU TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Hội.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..20.....tại.....đã diễn ra cuộc họp bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố .....xã, phường, thị trấn.....

1. Tổng số hộ gia đình được triệu tập: .....người.

- Số hộ gia đình có mặt:....., vắng..... có lý do.

- Chủ trì Hội nghị:.....

- Thư ký Hội nghị:.....

2. Hội nghị tiến hành với nội dung như sau:

- Trưởng Ban công tác Mặt trận thông qua tiêu chuẩn; số lượng; danh sách dự kiến những người ứng cử của Ban công tác Mặt trận.

- Hội nghị thảo luận danh sách những người ứng cử; hộ gia đình giới thiệu người ứng cử, tự ứng cử (nếu có).

- Trưởng Ban công tác Mặt trận kết luận ý kiến thảo luận của cuộc họp và ấn định danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu được triệu tập tham dự cuộc họp gồm ông/bà....

- Trưởng Ban công tác Mặt trận biểu quyết hình thức bầu: Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết; Bầu Tổ bầu cử.

- Tổ bầu cử làm nhiệm vụ theo phân công.

3. Công bố kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử, cụ thể:

1. Ông (bà) .....được .....phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

2. Ông (bà) .....được .....phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

Cuộc họp kết thúc vào lúc ..... giờ ..... ngày .... tháng ..... năm ....., nội dung cuộc họp đã được lập biên bản và các thành viên dự họp nhất trí thông qua tại cuộc họp.

Thư ký  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì  
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ/PHƯỜNG....  
**THÔN, TỔ DÂN PHỐ** ....  
 BAN GIÁM SÁT...

Mẫu số 05  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi:.....

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả hoạt động giám sát các chương trình, dự án đầu tư tại cộng đồng**

(Quý../năm..)

#### **I. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát**

1. Đối với chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; dự án đầu tư sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước

a) Về kết quả theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật.

b) Về kết quả theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; sử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

d) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án;

đ) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

2. Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã

a) Thực hiện theo các nội dung quy định tại Mục 1.

b) Về kết quả theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

3. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác được thực hiện theo điểm a, b, c, đ của Mục 1.

#### **II. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)**

Thay mặt Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng  
 Trưởng ban